TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Lan
2. Ông Trần Trọng Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa***: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Xuân D, sinh năm: 1971;

Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, nguyên đơn, anh Lý Xuân D trình bày: Anh và chị Trần Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/1993 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn không thể hòa giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với chị Trần Thị H

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lý Trần Hải M, sinh ngày 23/02/1996 và Lý Thành C, sinh ngày 22/6/1998. Hiện hai con đã trưởng thành nên anh D không đề nghị giải quyết việc nuôi con mà tùy nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một lô đất nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho chị H nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q cho thấy: Chị Nguyễn Thị H đã nhận được đầy đủ các văn bản, giấy tờ do Tòa án tống đạt, tuy nhiên chị H không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để làm việc. Ngày 10/7/2017, Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh D, chị H đến tham gia phiên toà vào ngày 28/7/2020, nhưng anh D vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt; chị H vắng mặt không có lý do nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 26/8/2020, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được cán bộ Ủy ban và cán bộ Tòa án đến tống đạt trực tiếp cho chị H nhưng chị H nhất quyết không nhận nên Tòa án đã lập biên bản và tiến hành niêm yết công khai theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Trần Thị H và

anh Lý Xuân D; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho anh Lý Xuân D được ly hôn chị Trần Thị H; về con chung và tài sản chung, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Lý Xuân D có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị H. Hiện tại chị H đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt nguyên đơn anh Lý Xuân D và bị đơn chị Trần Thị H. Anh D có đơn đề nghị xử vắng mặt, chị Trần Thị H được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Lý Xuân D và chị Trần Thị H

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh D và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có những mâu thuẫn không giải quyết được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh D kiên quyết xin được ly hôn với chị H.

Đối với chị Trần Thị H, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng đầy đủ, biết rõ việc anh D làm đơn xin ly hôn mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết và nói lên nguyện vọng về quan hệ hôn nhân của mình

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị H bắt nguồn từ việc không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân 12 năm nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh D và chị H không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho anh Lý Xuân D được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống anh D và chị H có 02 con chung như anh D đã trình bày. Tuy nhiên, hiện tại 02 con đã trưởng thành, có công việc ổn định để nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, anh D trình bày vợ chồng có một lô đất nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Anh Lý Xuân D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, anh Lý Xuân D. Xử cho anh Lý Xuân D được ly hôn với chị Trần Thị H

3. Về quan hệ con chung: Không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Lý Xuân D phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002397 ngày 14 tháng 02 năm 2020. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà